TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Ý YÊN** **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 24-7-2020
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Ý YÊN TỈNH NAM ĐỊNH

THnh phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Vũ Văn Anh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Trọng Tảo, bà Nguyễn Thị Hồng Nhạn.

Thư ký phiên toà: Ông Trần Mạnh Thắng - Thư ký Toà án nhân dân huyện Ý Yên tỉnh Nam Định.

Ngày 24/7/2020, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Ý Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 62/2020/TLST- HNGĐ ngày 06 tháng 3 năm 2020 về việc: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 62/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 14/7/2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Trần Văn L, sinh năm 1989;

Địa chỉ: Thôn A, xã Y, huyện Y, tỉnh Nam Định;

Bị đơn: Chị Bùi Việt H, sinh năm 1994;

Địa chỉ: Thôn A, xã Y, huyện Y, tỉnh Nam Định;

Tại phiên tòa: Có mặt anh L, chị H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và tại các buổi làm việc tại Tòa án, nguyên đơn anh Trần Văn L trình bày:

Anh kết hôn với chị Bùi Việt H vào ngày 12/7/2012, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện L, tỉnh H; kết hôn hoàn toàn tự nguyện. Sau kết hôn, cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do suy nghĩ, lập trường, quan điểm và lối sống khác nhau. Hiện nay anh chị đang sống ly thân từ năm 2014 đến nay chấm dứt quan hệ tình cảm. Anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Bùi Việt H.

Về con chung: Anh chị có 01 con chung là Trần Hải T, sinh ngày 06/5/2012. Anh L xin được nuôi dưỡng cháu T, không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung và các vấn đề khác trong quan hệ hôn nhân: Anh L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Tại bản tự khai và các buổi làm việc tại tòa án, bị đơn chị Bùi Việt H trình bày:

Về thời gian và điều kiện kết hôn phù hợp với lời khai của anh L. Sau kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do không có chung quan điểm sống, lối sống khác nhau không thể dung hòa được, anh L thường xuyên chửi bới xúc phạm chị gây mâu thuẫn. Tính tình không hợp nhau, cuộc sống không có tiếng nói chung, mâu thuẫn trở nên trầm trọng. Anh chị đang sống ly thân, chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đồng ý ly hôn anh L.

Về con chung: Anh chị có 01 con chung là Trần Hải T, sinh ngày 06/5/2012. Chị xin được nuôi dưỡng cháu T, chị yêu cầu anh L phải cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 02 triệu đồng.

Về tài sản chung, nợ chung và các vấn đề khác trong quan hệ hôn nhân: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Trong đơn trình bày nguyện vọng đề ngày 17/5/2020 của cháu Trần Hải T gửi Toà án trình bày cháu là con của bố Trần Văn L và mẹ Bùi Việt H, hiện nay bố mẹ các cháu đang làm thủ tục ly hôn tại Toà án nhân dân huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định. Nguyện vọng của cháu T muốn được ở cùng với mẹ là chị H và đề nghị Toà án cho cháu được ở theo nguyện vọng của mình.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải cho anh chị nhưng giữa anh L và chị H không thống nhất được vấn đề về con chung nên Toà án đã ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn anh Trần Văn L trình bày: Về tình cảm anh đề nghị xin ly hôn với chị Bùi Việt H. Về con chung: Anh xin được nuôi dưỡng cháu Trần Hải T, không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, nợ chung và các vấn đề khác trong quan hệ hôn nhân: Anh không yêu cầu Toà án giải quyết.

Bị đơn chị Bùi Việt H trình bày: Về tình cảm chị đồng ý ly hôn anh L. Về con chung: Chị xin được nuôi dưỡng cháu T, chị yêu cầu anh L phải cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 02 triệu đồng. Các vấn đề khác chị không yêu cầu Toà án giải quyết.

Chủ tọa phiên tòa công bố tóm tắt nội dung các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về thẩm quyền của Toà án: Đây là vụ án tranh chấp "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" do nguyên đơn anh Trần Văn L thực hiện quyền khởi kiện. Bị đơn chị Bùi Việt H có nơi cư trú tại thôn An Hạ, xã Yên Bình, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây là vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Văn L và chị Bùi Việt H tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 12/7/2012 tại Ủy ban nhân dân xã Thượng Cốc, huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình. Đây là cuộc hôn nhân hợp pháp, tuân thủ đầy đủ quy định của Luật hôn nhân và gia đình. Sau khi kết hôn, anh chị sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do giữa anh chị không tìm được tiếng nói chung, thường xuyên bất đồng quan điểm, va chạm dẫn đến cuộc sống chung không có hạnh phúc, luôn căng thẳng và hiện đang sống ly thân nhau. Anh L xác định tình cảm vợ chồng không còn nên xin ly hôn với chị H. Chị H xác định cuộc sống vợ chồng có những mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống và hiện đang sống ly thân nhau, chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị tòa án giải quyết cho anh chị được ly hôn. Xét thấy anh L, chị H đã sống ly thân một thời gian dài, đời sống chung không có, mục đích của cuộc hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận đơn của anh L, xử cho anh chị ly hôn là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Anh L, chị H xác định anh chị có 01 con chung là Trần Hải T, sinh ngày 06/5/2012. Anh L xin được nuôi dưỡng cháu Trần Hải T, không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con chung. Chị H xin được nuôi dưỡng cháu T, chị yêu cầu anh L phải cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 02 triệu đồng. Xét thấy, việc chăm sóc, nuôi dạy con chung chưa thành niên là trách nhiệm, nghĩa vụ, là quyền lợi của cha mẹ, vì vậy nguyện vọng xin được nuôi con sau khi ly hôn của anh L, chị H đều là nguyện vọng chính đáng. Xét về điều kiện thực tế, anh L hiện đang là nhân viên của Công ty cổ phần xi măng Xuân THnh có mức thu nhập khoảng 10 triệu đồng/tháng, có giấy xác nhận của công ty cổ phần xi măng Xuân Thành; chị H hiện nay đang là quản lý đồng sáng lập Homestay có địa chỉ tại 17/42 Thống Nhất, P. Đài Sơn, TP. Phan Rang - Tháp Chàm, Ninh Thuận có mức thu nhập tháng 01/2020 là 17.200.000 đồng, tháng 02/2020 là 18.100.000 đồng, tháng 03/2020 là 6.200.000 đồng. Mặt khác cháu T mới 08 tuổi, hiện đang ở với mẹ, bản thân cháu còn nhỏ nên vấn đề phát triển tâm sinh lý sau này, cần sự chăm sóc của mẹ hơn,

hơn nữa nguyện vọng của cháu là được ở cùng mẹ. Ngoài ra với mức thu Hng tháng của chị H hoàn toàn có thể nuôi dưỡng cháu T. Vì vậy, Hội đồng xét xử thấy cần chấp nhận yêu cầu của chị H, giao con chung là cháu T cho chị H nuôi dưỡng là phù hợp. Chấp nhận yêu cầu của chị H, anh L phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu T cùng chị H mỗi tháng 2.000.000 đồng kể từ khi ly hôn cho đến khi cháu T trưởng thành, tự lập là phù hợp theo quy định tại các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về tài sản chung, nợ chung và các vấn đề khác trong quan hệ hôn nhân: Anh L, chị H không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Các đương sự phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4] Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của Điều 271, 272 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình. Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử ly hôn giữa anh Trần Văn L và chị Bùi Việt H.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Trần Hải T, sinh ngày 06/5/2012 cho chị Bùi Việt H trực tiếp nuôi dưỡng. Anh L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu T cùng chị H mỗi tháng 2.000.000 (hai triệu) đồng kể từ khi ly hôn cho đến khi cháu T trưởng thành, tự lập được.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về án phí sơ thẩm ly hôn: Anh Trần Văn L phải nộp là 300.000 đồng, đối trừ với số tiền đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2015/0001370, ngày 03/3/2020 của Chi cục Thi Hành án dân sự huyện Ý Yên, anh L đã nộp đủ án phí.

Về án phí cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Trần Văn L phải nộp 300.000 đồng.

4. Về quyền kháng cáo của đương sự: Anh Trần Văn L và chị Bùi Việt H được quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp Bản án được thi Hnh theo quy định tại Điều 2 Luật thi Hành án dân sự thì người được thi Hành án dân sự, người phải thi Hnh án có quyền thoả thuận thi Hnh án, tự nguyện thi Hành án hoặc bị cưỡng chế thi Hành án. Thời hiệu thi Hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi Hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND Tỉnh: 01 bản;
- VKSND Tỉnh+Huyện: 02 bản;
- Chi cục Thi Hnh án dân sự: 01 bản;
- Các đương sự: 01 bản;
- UBND xã Yên Bình: 01 bản;
- Hồ sơ vụ án: 01 bản;
- Lưu VP.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Vũ Văn Anh